

Số: 3469/QĐ-UBND

Đắk R'Lấp, ngày 20 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đắk R'Lấp tại Tờ trình số 739/TTr-TCKH, ngày 20 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025, cụ thể như sau:

**1. Các chỉ tiêu về kinh tế:**

- (1) Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) đạt 5.320 tỷ đồng.
- (2) Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành) đạt 8.124 tỷ đồng.
- (3) Về cơ cấu theo ngành kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 44,1%; Công nghiệp xây dựng chiếm 25,6%; Thương mại - Dịch vụ chiếm 30,3%.
- (4) GRDP bình quân đầu người đạt 86 triệu đồng/người/năm.
- (5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 4.100 tỷ đồng.
- (6) Tổng thu Ngân sách trên địa bàn đạt 650 tỷ đồng; Tổng chi Ngân sách đạt 703,58 tỷ đồng.
- (7) Các chỉ tiêu hạ tầng giao thông, điện, cấp nước:
  - Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường huyện, đạt 12,6km.
  - Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã đạt 10,2km.
  - Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới đạt 90%.
  - 100% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.
  - 100% tỷ lệ dân thành thị sử dụng nước sạch.

- 100% số hộ sử dụng điện an toàn.

(8) Phát triển nông nghiệp: Sản phẩm đạt chứng nhận OCOP trong năm đạt 04 sản phẩm.

## **2. Các chỉ tiêu về xã hội – môi trường**

(1) Dân số trung bình: đạt 94.782 người.

(2) Lao động, việc làm:

- Số lao động được giải quyết việc làm đạt 3.100 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 56%.

- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động tham gia BHXH đạt 20%.

(3) Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo, mức giảm 0,2% trở lên; Giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, mức giảm từ 1%.

(4) Y tế:

- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95%.

- Đạt 25 giường bệnh/vạn dân; 11 bác sỹ/vạn dân.

- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đạt dưới 16%.

- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt 96%.

(5) Giáo dục:

- 100% xã, thị trấn duy trì phổ cập giáo dục THCS, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập MN 5 tuổi.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn (theo Luật Giáo dục 2019) đạt 99,43%, trên chuẩn khoảng 10%.

- Được công nhận thêm 02 trường học đạt chuẩn quốc gia.

(6) Văn hóa: 93% hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa; 100% xã, thị trấn đạt chuẩn văn hóa; 99% thôn, bon, tổ dân phố văn hóa; 99% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa.

(7) Môi trường:

- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 44,72%.

- Tỷ lệ xử lý rác thải đạt 50%.

(8) Nông thôn mới:

- Duy trì 10 xã đáp ứng tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Có thêm 01 xã nông thôn mới nâng cao; 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Duy trì số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 19 tiêu chí/xã.

- Hoàn thiện hồ sơ để trình công nhận Huyện nông thôn mới trong năm 2025.

*( Chi tiết như phụ lục kèm theo)*



**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

## 1. Các phòng, ban:

a) Tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025 thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được giao.

c) Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch chi tiết của từng ngành, lĩnh vực để thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'lấp về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đảm bảo đồng bộ trong thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

2. UBND các xã, thị trấn căn cứ hướng dẫn của các phòng, ban tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

## 3. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

a) Tổng hợp, tham mưu UBND huyện ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'lấp.

b) Thông báo hướng dẫn các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu. Theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025.

c) Định kỳ, Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025.

4. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm phối hợp, tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk R'lấp và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT huyện;
- Lưu : VT. *Long*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quang Tú**

**Phụ lục**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết quyết số: 3469/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.320</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	2.394	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	1.330	
	- Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	1.596	
<b>2</b>	<b>Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8.124</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	3.588	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	2.077	
	- Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	2.459	
<b>3</b>	<b>Cơ cấu tổng giá trị sản xuất theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>		<b>100</b>	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	44,1	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	25,6	
	- Dịch vụ - dịch vụ	%	30,3	
<b>4</b>	<b>GRDP bình quân đầu người</b>	<b>Triệu đồng</b>	86	
<b>5</b>	<b>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>4.100</b>	
<b>6</b>	<b>Thu - Chi ngân sách:</b>	<b>Tỷ đồng</b>		
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	650,0	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	703,58	
	<b>Hạ tầng giao thông, cấp nước, cấp điện</b>			
	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường huyện	km	12,6	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
7	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã	km	10,2	
	Tỷ lệ đảm bảo nguồn nước cho diện tích cây trồng có nhu cầu tưới	%	90	
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	
	Tỷ lệ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện an toàn	%	100	
8	<b>Phát triển nông nghiệp</b>			
	Số sản phẩm đạt chứng nhận OCOP trong năm	sản phẩm	4	
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>			
1	<b>Dân số</b>			
	Dân số trung bình	Nghìn người	94.782	
2	<b>Lao động và việc làm</b>			
	Số lao động được tạo việc làm	Người	3.100	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	56	
	Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	20	
3	<b>Giảm nghèo</b>			
	Tỷ lệ hộ nghèo	Giảm tỷ lệ hàng năm	Giảm 0,2 %	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	Giảm tỷ lệ hàng năm	Giảm 1%	
4	<b>Y tế</b>			
	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	95	
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	25	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	11	
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	<16	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	96	
	<b>Giáo dục</b>			



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
5	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Số trường tăng hàng năm	2	
	Tỷ lệ xã, thị trấn duy trì phổ cập giáo dục THCS, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập MN 5 tuổi	%	100	
	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019	%	99,43	
6	<b>Văn hóa</b>			
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	93	
	Tỷ lệ xã, thị trấn văn hóa	%	100	
	Tỷ lệ thôn/buôn/bon/tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa	%	99	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	99	
7	<b>Môi trường</b>			
	Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	44,72	
	Tỷ lệ xử lý rác thải	%	50	
8	<b>Nông thôn mới</b>			
	Số xã đáp ứng tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025	Xã	10	Duy trì
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	1	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	1	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	19	Duy trì